

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết số 46-NQ/TU ngày 08/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2025, Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu chung

Xây dựng nông thôn mới đồng bộ với hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, kinh tế xã hội nông thôn phát triển toàn diện, hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ, hiện đại và bền vững phù hợp với quá trình đô thị hóa nông thôn; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn; đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP); từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và mức thụ hưởng về y tế, văn hóa, xã hội của người dân nông thôn; gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp; xã hội nông thôn đoàn kết, dân chủ, văn minh; quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và ổn định.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2025 toàn tỉnh có 115/181 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 63,5%; bình quân mỗi năm có thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới. Bình quân xã trên địa bàn tỉnh đạt từ 15 tiêu chí trở lên không có xã dưới 10 tiêu chí; có 32 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng và công nhận mới 30 khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; có thêm 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (chi tiết tại biểu 4, biểu 5, biểu 6).

- Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt 100%; tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 80%; phấn đấu đến năm 2025 có thêm 50 xã đạt chuẩn tiêu chí trường học đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới, thêm 20 xã đạt chuẩn tiêu chí đối với xã đạt chuẩn nông

thôn mới nâng cao; tỷ lệ thôn có nhà văn hóa đạt chuẩn nông thôn mới đạt 60%, xã có nhà văn hóa và sân tập thể thao đạt chuẩn từ 63,5% trở lên; tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là 100%; tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên từ các nguồn đạt 99,6%; 97% số xã đạt tiêu chí về hạ tầng cơ sở thương mại nông thôn; 100% số xã đạt tiêu chí thủy lợi; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99%, trong đó có 70% được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.

- Bảo đảm 100% số xã trên địa bàn tỉnh có điểm phục vụ bưu chính và viễn thông; 100% số xã được phủ sóng thông tin di động 4G; 100% xã được lắp đặt hệ thống đài truyền thanh.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 1,3 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3%/năm trở lên; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98%.

- Thành lập mới được 60 hợp tác xã, 40 tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) có thêm ít nhất 50 sản phẩm đạt từ 03 sao trở lên, 01 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia; xây dựng 03 làng văn hóa du lịch cộng đồng.

3. Nhiệm vụ chủ yếu

3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch: tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã theo Bộ tiêu chí nông thôn mới và hướng dẫn của Bộ Xây dựng giai đoạn 2021-2025; công tác quy hoạch chú trọng điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch vùng sản xuất phù hợp trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025 đạt 181/181 xã hoàn thành tiêu chí quy hoạch, chiếm tỷ lệ 100%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025 đạt 115/115 xã hoàn thành tiêu chí quy hoạch, chiếm tỷ lệ 100% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông: phấn đấu cứng hóa được trên 1.750km mặt đường giao thông nông thôn các loại (bình quân mỗi năm là 350 km), nâng tỷ lệ cứng hóa các loại đường giao thông nông thôn trên toàn tỉnh lên 80%; nâng tỷ lệ số xã có đường ô tô đến trung tâm xã được nhựa hóa, bê tông hóa trên địa bàn toàn tỉnh đạt 100%; nâng tỷ lệ số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa trên địa bàn toàn tỉnh đạt 80%.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 50 xã đạt chuẩn tiêu chí giao thông, nâng tổng số xã đạt tiêu chí lên 128/181 xã, chiếm tỷ lệ 70,7% tổng số xã.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 20 xã đạt chuẩn tiêu chí giao thông, nâng tổng số xã đạt tiêu chí lên 42/115 xã, chiếm tỷ lệ 36,5% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai: tập trung ưu tiên đầu tư 05 công trình cung cấp nước sinh hoạt; sửa chữa, nâng cấp 215 công trình thủy lợi các loại, kiên cố khoảng 400km kênh mương; đảm bảo diện tích đất

nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh đạt 36.500 ha.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 18 xã đạt chuẩn tiêu chí thủy lợi, nâng tổng số xã đạt tiêu chí lên 181/181 xã, chiếm tỷ lệ 100%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 20 xã đạt chuẩn tiêu chí, nâng tổng số xã đạt tiêu chí lên 45/115 xã, chiếm tỷ lệ 39,1% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.4. Tiêu chí số 4 về Điện: tiếp tục quan tâm đầu tư 47 công trình điện nông thôn các loại trên địa bàn các xã phát triển đồng bộ hệ thống lưới điện đảm bảo phục vụ sản xuất và đời sống của người dân khu vực nông thôn nâng tỷ lệ hộ có điện lên 99,6%.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 30 xã đạt chuẩn tiêu chí điện, nâng tổng số xã đạt tiêu chí lên 155/181 xã, chiếm tỷ lệ 85,6%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 35 xã đạt chuẩn tiêu chí, nâng tổng số xã đạt tiêu chí lên 75/115 xã, chiếm tỷ lệ 65,2% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.5. Tiêu chí số 5 về Trường học: thực hiện rà soát, xây dựng cơ sở vật chất trường học các cấp đảm bảo theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học và quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

- Phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh công nhận mới 68 trường đạt chuẩn quốc gia, nâng số trường chuẩn quốc gia tại các xã đạt 220 trường. Đầu tư xây dựng, nâng cấp 228 công trình trường học, điểm trường ở các cấp học.

3.6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa: tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở; hoàn thiện hệ thống Trung tâm văn hóa - thể thao xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn theo Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Đầu tư xây dựng 47 nhà văn hóa xã, 35 sân thể thao xã và 699 nhà văn hóa thôn đạt chuẩn theo quy định.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 50 xã đạt chuẩn tiêu chí, nâng tổng số xã đạt tiêu chí lên 116/181 xã, chiếm tỷ lệ 64,1%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 20 xã đạt chuẩn tiêu chí, nâng tổng số xã đạt tiêu chí lên 32/115 xã, chiếm tỷ lệ 27,8% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: từng bước hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn và cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo quy hoạch; đầu tư xây dựng 13 chợ và cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn đảm bảo phù hợp điều kiện thực tế và nhu cầu của người dân.

- Đối với xã nông thôn mới: phấn đấu có thêm 19 xã đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 150/181 xã,

chiếm tỷ lệ 82,9%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phần đầu có thêm 25 xã đạt chuẩn về cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 50/115 xã, chiếm tỷ lệ 43,5% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông: tiếp tục quan tâm, ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng bưu chính, viễn thông nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho các xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới và các xã vùng khó khăn, biên giới. Thực hiện đầu tư 17 Đài truyền thanh xã; nâng cấp, sửa chữa chuyển đổi 80 Đài truyền thanh FM sang đài IP (khu vực I và II); lắp đặt 111 điểm phát Wifi miễn phí; duy trì hoạt động 37 trang thông tin điện tử trên địa bàn các xã. Nâng tổng số xã có hệ thống đài truyền thanh xã lên 181/181 xã, chiếm tỷ lệ 100%.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phần đầu có thêm 50 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 130/181 xã, chiếm tỷ lệ 71,8%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phần đầu có thêm 25 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 50/115 xã, chiếm tỷ lệ 43,5% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

- Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu: có ít nhất 12 mô hình thôn thông minh.

3.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư: huy động tối đa các nguồn lực xã hội và người dân để thực hiện tiêu chí nhà ở dân cư theo Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phần đầu có thêm 30 xã đạt chuẩn tiêu chí, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 145/181 xã, chiếm tỷ lệ 80,1%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phần đầu có thêm 25 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 50/115 xã, chiếm tỷ lệ 43,5% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập: tiếp tục quan tâm chỉ đạo phát triển kinh tế nông thôn, ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng phát triển cây, con thế mạnh, sản phẩm chủ lực gắn với thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Phần đầu năm 2025, thu nhập bình quân khu vực nông thôn tăng 1,3 lần so với năm 2020.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phần đầu có thêm 50 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 127/181 xã, chiếm tỷ lệ 70,2%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phần đầu có thêm 20 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 35/115 xã, chiếm tỷ lệ 30,4% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

- Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu: phần đầu đến năm 2025, phần đầu có 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu thu nhập bình quân đầu người cao hơn 10% so với mức thu nhập bình quân đầu của xã nông thôn mới nâng cao.

3.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều: phấn đấu toàn tỉnh giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 3,0% trở lên (riêng huyện nghèo giảm 5,0% trở lên).

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 25 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 122/181 xã, chiếm tỷ lệ 67,4%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 20 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 35/115 xã, chiếm tỷ lệ 30,4% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.12. Tiêu chí số 12 về Lao động: tiếp tục quan tâm công tác tư vấn định hướng nghề, đào tạo nghề và giải quyết việc làm; phát triển, xây dựng các mô hình đào tạo nghề có hiệu quả cho lao động nông thôn. Phấn đấu giải quyết việc làm cho khoảng 5.000 lao động nông thôn; dạy nghề cho khoảng 28.400 người là lao động nông thôn.

- Đối với xã nông thôn mới: duy trì 181/181 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 100%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 20 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 90/115 xã, chiếm tỷ lệ 78,3% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: tiếp tục củng cố và nâng cao hoạt động của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012; quan tâm chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 50 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 126/181 xã, chiếm tỷ lệ 69,6%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 20 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 35/115 xã, chiếm tỷ lệ 30,4% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

- Đối với xã nông thôn mới kiểu mẫu: đạt tiêu chí về xã nông thôn mới kiểu mẫu có ít nhất 12 lĩnh vực nổi trội mang giá trị đặc trưng của địa phương.

3.14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục và đào tạo: tiếp tục thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo các cấp; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo khu vực nông thôn lên 50%.

- Đối với xã nông thôn mới: tiếp tục duy trì 181/181 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 100%.

3.15. Tiêu chí số 15 về Y tế: chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới; từng bước thực hiện đáp ứng yêu cầu của Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới. Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp 50 trạm y tế để đảm bảo tiêu chí.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 20 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 131/181 xã, chiếm tỷ lệ 72,4%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 25 xã đạt chuẩn tiêu chí về y tế, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 39/115 xã,

chiếm tỷ lệ 42,9% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa: tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, từng bước đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí của người dân khu vực nông thôn; tổ chức triển khai thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 30 xã đạt chuẩn, nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 163/181 xã, chiếm tỷ lệ 90,1%.

3.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm: thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động người dân giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn; nâng cao nhận thức của người dân và các cơ sở sản xuất, kinh doanh về đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 50 xã đạt chuẩn tiêu chí, nâng tổng số xã đạt tiêu chí lên 126/181 xã, chiếm tỷ lệ 69,6%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 20 xã đạt chuẩn tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm và tiêu chí về chất lượng môi trường sống, nâng tổng số xã đạt chuẩn đối với 02 tiêu chí lên 35/115 xã, chiếm tỷ lệ 30,4% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: thực hiện bồi dưỡng cho 11.200 lượt cán bộ, công chức cấp xã để từng bước đạt chuẩn đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo quy định; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phấn đấu có thêm 35 xã đạt chuẩn tiêu chí, nâng tổng số xã đạt tiêu chí lên 125/181 xã, chiếm tỷ lệ 69,1%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: phấn đấu có thêm 25 xã đạt chuẩn tiêu chí về Hành chính công, nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 50/115 xã, chiếm tỷ lệ 43,5%; có thêm 25 xã đạt chuẩn về tiêu chí tiếp cận pháp luật nâng tổng số xã đạt chuẩn về tiêu chí lên 55/115 xã, chiếm tỷ lệ 47,8% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

3.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh: tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp”; và xây dựng đồn Biên phòng (xã biên giới) vững mạnh; hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng trên địa bàn. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc”. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh; giai đoạn 2021-2025 phấn đấu xây dựng 81 mô hình an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn gắn với thực hiện xây dựng nông thôn mới.

- Đối với xã nông thôn mới: đến năm 2025, phấn đấu duy trì 181/181 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 100%.

- Đối với xã nông thôn mới nâng cao: tiếp tục duy trì 115/115 xã đạt tiêu chí, chiếm tỷ lệ 100% tổng số xã đã đạt chuẩn trên địa bàn.

4. Xây dựng các xã nông thôn mới kiểu mẫu

Tập trung chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016-2020, rà soát, xây dựng kế hoạch để thực hiện hoàn thiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025. Trong đó cần lựa chọn các nội dung phù hợp, xác định tiêu chí cụ thể để từng bước hoàn thành xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định.

Giai đoạn 2021 - 2025, phấn đấu toàn tỉnh có 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu nổi bật, rõ nét theo quy định về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 – 2025, cụ thể: có ít nhất một lĩnh vực nổi trội mang giá trị đặc trưng của địa phương theo các nội dung: sản xuất, giáo dục và đào tạo, văn hóa - du lịch, cảnh quan môi trường, an ninh trật tự, chuyển đổi số.

5. Xây dựng Huyện Đình Lập đạt chuẩn nông thôn mới

5.1. Phấn đấu đến năm 2024 xây dựng được thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới (Châu Sơn, Lâm Ca, Đồng Thắng) nâng tổng số xã đạt chuẩn lên 10/10 xã, đạt tỷ lệ 100%; có thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (Thái Bình, Bắc Lãng) nâng số xã đạt chuẩn nâng cao lên 04/10 xã đạt tỷ lệ 40%; xây dựng 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu (Cường Lợi); xây dựng thị trấn Đình Lập và thị trấn Nông Trường Thái Bình đạt chuẩn văn minh đô thị (để bảo đảm 100% số thị trấn trên địa bàn huyện đạt chuẩn đô thị văn minh).

5.2. Phấn đấu xây dựng đạt chuẩn 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, bao gồm:

- Tiêu chí Quy hoạch: lập, trình cấp thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Đình Lập đảm bảo yêu cầu nội dung nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng theo quy định. Đồ án quy hoạch xây dựng vùng đảm bảo đáp ứng một số yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn; có hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt).

- Tiêu chí hạ tầng giao thông nông thôn: thực hiện hoàn thiện hệ thống giao thông trên địa bàn huyện bảo đảm kết nối với các xã và được bảo trì hàng năm; thực hiện cứng hóa thêm 64,7km đường huyện để đảm bảo đạt tỷ lệ 100% km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch; cứng hóa 64,79km đường trục xã; 15,6km đường trục thôn; 63,72km đường ngõ xóm; 16,2km đường nội thị để đảm bảo ô tô đi lại quanh năm và kết nối đến trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; thực hiện trồng cây xanh dọc tuyến đường huyện đảm bảo có ít nhất 50% km (tổng chiều dài tuyến 84km); nâng cấp Bến xe khách tại trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên để đảm bảo đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí.

- Tiêu chí thủy lợi và phòng chống thiên tai: tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng thêm 32 công trình thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch; củng cố kiên toàn tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ hoạt động hiệu quả, bền vững.

- Tiêu chí điện nông thôn: tập trung cải tạo, nâng cấp hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống; cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Tiêu chí y tế- văn hóa- giáo dục:

Đầu tư xây dựng Trung tâm y tế huyện theo hướng nâng cấp mở rộng các phòng chức năng (Phòng khám, khu nhà điều trị, khu kiểm soát nhiễm khuẩn); nâng cao chất lượng khám chữa bệnh của Trung tâm y tế huyện. Phấn đấu đến hết năm 2024 Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn theo quy định.

Thực hiện đầu tư xây dựng: Sân vận động và khu vực kỹ thuật, Nhà văn hóa huyện và Quảng trường để Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn; phát triển các phong trào văn hóa, thể thao cơ sở để bảo đảm có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã có hiệu quả đảm bảo yêu cầu theo quy định của Bộ tiêu chí.

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các cấp học; củng cố, duy trì vững chắc kết quả phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và trung học cơ sở; tiếp tục thực hiện phổ cập trình độ trung học phổ thông. Đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất Trường học (Nhà Đa năng, Khu lớp học, phòng học bộ môn, Khu hiệu bộ, sân, tường rào...) để đảm bảo trên 60% tỷ lệ trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia mức độ 1; Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 1.

- Tiêu chí về kinh tế:

Khuyến khích, hỗ trợ cơ chế để thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp vào đầu xây dựng cụm công nghiệp Đình Lập đảm bảo kết cấu hạ tầng kỹ thuật từ các nguồn vốn huy động ngoài ngân sách; cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện chợ trung tâm huyện Đình Lập đạt tiêu chuẩn kinh doanh thực phẩm.

Tập trung đẩy mạnh phát triển sản xuất, hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực của huyện; tổ chức, củng cố, xây dựng, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; xây dựng các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với sản phẩm chủ lực của huyện. Phát triển Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện trở thành trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.

- Tiêu chí về Môi trường:

Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; 100% điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh; tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định phải đảm bảo đạt $\geq 50\%$; tuyên truyền, vận động các hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải rắn tại nguồn đảm bảo đạt tỷ lệ $\geq 40\%$.

Xây dựng 01 mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên và 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp.

Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu; đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đảm bảo đạt tỷ lệ $\geq 2\text{m}^2/\text{người}$.

- Tiêu chí về chất lượng môi trường sống:

Thực hiện xây dựng, sửa chữa, nâng cấp 50 công trình nước sạch tập trung trên địa bàn huyện, phấn đấu đến năm 2024, tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch đạt trên $\geq 12\%$; tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt trên 35%.

Xây dựng kế hoạch, đề án kiểm kê, kiểm soát chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện. Tuyên truyền vận động Nhân dân xây dựng cảnh quan, không gian trên địa bàn huyện đảm bảo sáng – xanh – sạch – đẹp, an toàn; 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tiêu chí hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công: tăng cường củng cố, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng, sự quản lý, điều hành của chính quyền; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu Đảng bộ, chính quyền, Tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện hàng năm được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo đảm thực hiện tốt an ninh trật tự tại địa phương. Lực lượng vũ trang huyện hàng năm hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tiếp tục rà soát, đề xuất bổ sung, mở rộng danh mục dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3, mức độ 4, nhất là các dịch vụ hành chính công thiết yếu, để tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân.

Nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành pháp luật; nâng cao trách nhiệm của cán bộ công chức trong thực thi công vụ. Cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân trên địa bàn. Phấn đấu đến năm 2024, huyện Đình Lập được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

6. Thực hiện các Chương trình trọng tâm phục vụ xây dựng nông thôn mới

6.1. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP): phấn đấu đến năm 2025 có thêm từ 50 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, có từ 01 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia. Rà soát, đánh giá phân hạng 03 mô hình làng văn hóa du lịch

cộng đồng (Quỳnh Sơn, Vũ Lăng huyện Bắc Sơn; Hữu Liên huyện Hữu Lũng); xây dựng 05 điểm trung bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP tại các huyện, thành phố có điều kiện.

6.2. Chương trình khoa học công nghệ: giai đoạn 2021 - 2025, khoa học công nghệ được xác định là nền tảng tạo bước đột phá trong xây dựng nông thôn mới về các lĩnh vực sản xuất, phục vụ phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm OCOP và các lĩnh vực (thực hiện nâng cao chất lượng 08 sản phẩm OCOP theo Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ nâng cao giá trị và phát triển bền vững một số sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 - 2025 và một số đề tài, dự án khác.

6.3. Chương trình phát triển du lịch nông thôn: giai đoạn 2021 - 2025 xây dựng công nhận 17 điểm du lịch nông thôn theo Đề án phát triển Du lịch tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh. Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu lao động ở khu vực nông thôn từ lao động nông nghiệp sang lao động dịch vụ, tạo việc làm tại chỗ (ly nông bất ly hương), đa dạng hóa nguồn thu nhập để nâng cao đời sống của người dân nông thôn, phát triển du lịch cộng đồng, xây dựng nông thôn mới bền vững. Khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh biên giới để phát triển du lịch.

6.4. Chương trình chuyển đổi số: thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành từ cấp cơ sở đảm bảo thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, thương mại điện tử, cửa hàng số, địa chỉ số, tuyên truyền người dân ứng dụng số sức khỏe điện tử trong khám chữa bệnh, thực hiện quản lý môi trường, an toàn thực phẩm, an ninh trật tự trên nền tảng số; tiến tới xây dựng bản đồ số trong xây dựng nông thôn mới với mục tiêu trong giai đoạn 2021 – 2025 hỗ trợ nguồn lực của Nhà nước thực hiện xây dựng tối thiểu 12 mô hình nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh. Trong đó chú trọng ứng dụng công nghệ thông minh, theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025.

6.5. Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn: tăng cường bảo vệ môi trường đảm bảo bền vững, nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường, hình thành lối sống thân thiện với môi trường; nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường, thực hiện tốt công tác phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, nước thải và an toàn vệ sinh thực phẩm theo đúng quy định.

Đối với cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới: sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Nhà nước và các nguồn vốn khác đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp các công trình cấp nước tập trung, quan tâm nâng cao tính bền vững các công trình cấp nước tập trung nông thôn. Phần đầu đến năm 2025 có 99% dân

cur nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, 70% dân cư nông thôn được sử dụng nước đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

6.6. Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự: chủ động trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội tại địa bàn các xã tiềm ẩn nguy cơ cao. Thực hiện xây dựng 81 mô hình tự phòng, tự quản về an ninh trật tự trong xây dựng nông thôn mới để nâng cao hiệu quả công tác an ninh trật tự ở địa bàn nông thôn, đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội luôn ổn định, bền vững, chất lượng tiêu chí ngày một nâng cao.

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

Tiếp tục xác định Chương trình xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành và cả hệ thống chính trị; công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình phải bảo đảm toàn diện trên địa bàn toàn tỉnh (181/181 xã), ưu tiên nguồn lực để hỗ trợ cho các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, lồng ghép nguồn lực các chương trình dự án khác hỗ trợ các xã thuộc nhóm đạt từ 7 - 9 tiêu chí, xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới để từng bước thực hiện hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Đối với nhóm xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, tiếp tục chỉ đạo duy trì, bổ sung hoàn thiện và nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025; có kế hoạch cụ thể để thực hiện theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, quy định về xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025; xây dựng Khu dân cư kiểu mẫu; vườn mẫu, đặc biệt quan tâm đến lĩnh vực phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân theo hướng thực chất và bền vững.

Các cấp, các ngành chủ động xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đơn vị, có giải pháp cụ thể để hỗ trợ các xã ở địa bàn khó khăn, khu vực biên giới xây dựng nông thôn mới và một số nội dung của Chương trình còn đạt tỷ lệ thấp. Về phương thức lãnh đạo, chỉ đạo cần tiếp tục đổi mới theo hướng phân cấp, phân quyền chuyển mạnh nhiệm vụ trực tiếp chỉ đạo các nội dung cụ thể của Chương trình cho cấp cơ sở và cộng đồng thôn, bản, các xã đảm nhiệm nhằm phát huy tối đa nội lực và tinh thần chủ động, sáng tạo của người dân và cộng đồng dân cư. Phát huy tối đa vai trò chủ thể, sự vào cuộc tham gia của người dân trong việc triển khai thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới với mục tiêu “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra và dân hưởng lợi”.

Phát huy vai trò, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và vai trò người đứng đầu, lấy kết quả thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới là một trong các tiêu chí để kiểm điểm, đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của tập thể, người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội, các ngành, cơ quan, đơn vị hằng năm.

Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG các cấp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho cơ quan, đơn vị, thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh phụ trách địa bàn, lĩnh vực được phân công; tiếp tục nâng cao năng lực của cơ quan

giúp việc thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp theo quy định tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, theo các quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương bảo đảm đáp ứng được các yêu cầu chức năng, nhiệm vụ; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn

Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; chú trọng công tác tuyên truyền, phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng NTM, đánh giá mức độ hài lòng của người dân để làm cơ sở lập kế hoạch; quan tâm chỉ đạo xây dựng các mô hình cụ thể mang tính trực quan để làm hình mẫu trong công tác tuyên truyền, vận động. Phát động và triển khai sâu rộng Kế hoạch 146/KH-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh thực hiện phong trào thi đua “Lạng Sơn cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, phong trào “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch góp phần vun đắp giá trị gia đình Việt Nam” từ cấp tỉnh đến cơ sở.

Tăng cường tổ chức các Hội thảo chuyên đề, chuyên sâu trao đổi về kinh nghiệm, thực tiễn xây dựng nông thôn mới; tổ chức các đoàn tham quan, học tập, chia sẻ kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới giữa các xã trên địa bàn trong và ngoài tỉnh bảo đảm phù hợp, hiệu quả. Các cơ quan truyền thông của tỉnh thường xuyên cập nhật, thông tin đầy đủ về hoạt động xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; tăng cường tuyên truyền sâu rộng các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ xây dựng nông thôn mới theo Chương trình khung tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, nội dung tập huấn tập trung vào các chuyên đề phù hợp, đi sâu vào các nội dung bồi dưỡng kiến thức về tổng quan chương trình xây dựng nông thôn mới như: hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp; kỹ năng xây dựng kế hoạch, lập dự án thực hiện Chương trình; phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn; kỹ năng tuyên truyền, vận động và huy động nguồn lực; quy trình, thủ tục lập hồ sơ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới các cấp. Tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu để nâng cao năng lực quản lý cho Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xã và Ban Phát triển thôn trong triển khai thực hiện Chương trình.

Các cơ quan truyền thông của tỉnh thường xuyên cập nhật, thông tin đầy đủ về hoạt động xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; tăng cường tuyên truyền về các mô hình, điển hình tiên tiến, những sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Công tác xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn

Tiếp tục huy động tối đa các nguồn lực, lồng ghép nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án hỗ trợ trên địa bàn và các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng ở nông thôn; chú trọng đầu tư cho các công trình cấp thôn, bản, xã để cải thiện trực tiếp điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân, từng bước hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới.

Các huyện, thành phố chủ động ưu tiên phân bổ nguồn lực để thực hiện hỗ trợ Chương trình, trong đó ưu tiên đầu tư các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025, bố trí nguồn lực lồng ghép hỗ trợ cho các xã có tiêu chí đạt thấp; các xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn, xã biên giới; hỗ trợ các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2015 - 2020 bổ sung hoàn thiện các chỉ tiêu, tiêu chí đảm bảo đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định. Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, khai thác sử dụng các công trình đã được đầu tư xây dựng; chú trọng việc giao cho cộng đồng dân cư quản lý, giám sát và khai thác sử dụng, đồng thời duy trì chế độ duy tu bảo dưỡng để đảm bảo hiệu quả sử dụng lâu dài.

4. Phát triển sản xuất và đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất

Đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất gắn với xây dựng nông thôn mới; thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2025 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2019; triển khai chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã và đề án lựa chọn hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Giai đoạn 2021 - 2025, tiếp tục sử dụng nguồn vốn sự nghiệp xây dựng nông thôn mới để hỗ trợ xây dựng mô hình phát triển các ngành, nghề truyền thống, đặc sản của địa phương gắn với đổi mới nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất theo hướng tiếp tục quan tâm chỉ đạo nhân rộng các mô hình phát triển sản xuất có hiệu quả gắn với việc xây dựng các mô hình phát triển sản xuất kiểu mẫu, vườn mẫu...; khuyến khích hình thành, nhân rộng các mô hình liên kết sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp, phát triển các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa tập trung gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật cao vào sản xuất hướng tới hình thành chuỗi giá trị phù hợp, ưu tiên hỗ trợ trực tiếp cho các tổ chức sản xuất cụ thể như Doanh nghiệp, HTX để tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí số 13 trong xây dựng nông thôn mới. Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao khuyến khích phát triển các mô hình nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, hỗ trợ mở rộng diện tích áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn (VietGap, GlobalGap...), cấp mã

vùng trồng, đẩy mạnh chuyển đổi số trong sản xuất, thương mại điện tử gắn với triển khai hiệu quả Chương trình “mỗi xã một sản phẩm” (OCOP).

Thực hiện lồng ghép Chương trình việc làm và dạy nghề, giảm nghèo bền vững để sớm hoàn thành các tiêu chí về kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ chứng nhận, xây dựng thương hiệu, nhãn mác, bao bì sản phẩm; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, xây dựng các điểm bán hàng, quảng bá mở rộng thị trường cho các sản phẩm, đặc biệt hướng tới xuất khẩu cho nông sản hàng hóa.

5. Văn hóa, thông tin truyền thông, giáo dục, y tế, môi trường

Tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao; nâng cao chất lượng hoạt động của công tác thông tin truyền thông cơ sở nhằm nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn, trong đó quan tâm bảo tồn và phát huy sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc, phát triển các mô hình thôn/bản xanh, sạch, đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa, văn nghệ để bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

Tiếp tục duy trì tốt các xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và Trung học cơ sở; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học trung học phổ thông, bỏ túc trung học phổ thông, học nghề đạt 100%; tăng cường nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho người dân ngay tại tuyến cơ sở; nâng cao chất lượng đội ngũ y, bác sỹ tuyến xã; đầu tư nâng cấp và xây mới các Trạm Y tế xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường nông thôn, tập trung khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải tạo cảnh quan, môi trường; chú trọng xây dựng nhân rộng các mô hình thôn sáng – xanh - sạch - đẹp, mô hình khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu, xây dựng “Gia đình 5 không - 3 sạch”; mô hình du lịch nông thôn, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

6. Xây dựng hệ thống chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh

Tiếp tục xây dựng và củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, đảm bảo quốc phòng - an ninh khu vực nông thôn ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng quản trị hành chính công trên địa bàn; đánh giá, công nhận, xây dựng xã tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; rà soát và có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ xã để từng bước đạt chuẩn theo quy định Bộ tiêu chí.

Thực hiện tốt công tác quốc phòng, quân sự địa phương; xây dựng lực lượng quân sự, Bộ đội Biên phòng tỉnh vững mạnh, tập trung xây dựng, huấn

luyện, tổ chức thực hiện nhiệm vụ và bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách cho lực lượng dân quân xã; phát huy có hiệu quả lực lượng công an chính quy về công an xã đúng quy định của pháp luật; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Xây dựng thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc để đảm bảo giữ vững chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia. Phát huy có hiệu quả lực lượng công an chính quy về công an xã nhằm chủ động nắm tình hình, làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; kịp thời giải quyết các vụ việc mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ Nhân dân không để hình thành "điểm nóng" về an ninh trật tự. Đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật sâu rộng đến người dân; đồng thời tiếp tục quan tâm xây dựng, củng cố và nhân rộng các mô hình tự phòng, tự quản về an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn.

7. Nguồn vốn thực hiện Chương trình

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực và thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn của các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn và các nguồn vốn khác để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đa dạng hóa các nguồn vốn huy động, thực hiện xã hội hóa các nguồn lực, thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp, nguồn lực trong Nhân dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đáp ứng nhu cầu phát triển. Quan tâm cân đối, bổ sung nguồn lực ngân sách địa phương để hỗ trợ thực hiện chương trình.

Tổng nhu cầu nguồn lực cho thực hiện xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 dự kiến khoảng 24.805,973 tỷ đồng, trong đó huy động từ các nguồn cụ thể:

- Vốn đầu tư trực tiếp cho Chương trình dự kiến 1.502,062 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 6,1%, gồm:

+ Vốn ngân sách Trung ương: 858,762 tỷ đồng (gồm: vốn đầu tư phát triển năm 2021 là 200,99 tỷ đồng, giai đoạn 2022-2025 là 514,63 tỷ đồng và vốn sự nghiệp giai đoạn 2021-2025 là 143,142 tỷ đồng).

+ Vốn ngân sách địa phương: 647,3 tỷ đồng (cụ thể: Năm 2021 đối ứng 5% là 11,13 tỷ đồng trong đó vốn đầu tư phát triển 10,050, vốn sự nghiệp 1,08 tỷ đồng; Giai đoạn 2022-2025 đối ứng (Tỷ lệ 1:1) là 636,17 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư phát triển 517,630 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 121,54 tỷ đồng)

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác là 5.348,911 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 21,5%, trong đó:

+ Nguồn vốn chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 4.308,27 tỷ đồng (gồm: vốn đầu tư phát triển là 2.176,020 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 2.132,249 tỷ đồng).

+ Nguồn vốn chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 1.040,641 tỷ đồng (gồm: vốn đầu tư phát triển là 474,508 tỷ đồng; vốn sự nghiệp là 566,133 tỷ đồng).

- Vốn huy động từ doanh nghiệp, HTX và các tổ chức kinh tế là 590 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 2,4% (trong đó, nguồn vốn điện lực đầu tư là 290 tỷ đồng; 300 tỷ đồng huy động từ các doanh nghiệp và HTX và các tổ chức kinh tế khác phục vụ cho xây dựng nông thôn mới).

- Vốn tín dụng là: 16.000 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 64,5%.

- Huy động đóng góp của cộng đồng dân cư (tiền mặt, vật chất, hiến đất, ngày công lao động quy ra tiền) là: 1.365 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 5,5%.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: là cơ quan chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, có nhiệm vụ:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành thống nhất mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu, nhiệm vụ cụ thể hằng năm, giai đoạn 5 năm dự kiến giao cho từng sở, ngành và các huyện, thành phố thực hiện; đôn đốc, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình của các Sở, ngành và các huyện, thành phố.

- Chủ trì phối hợp các sở, ngành đề xuất các giải pháp thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Chủ động tham mưu, phối hợp triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách và hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình. Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới thuộc lĩnh vực ngành phụ trách.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành phụ trách (thực hiện) các Chương trình trọng tâm phục vụ xây dựng nông thôn mới xây dựng phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình trọng tâm hằng năm, giai đoạn 5 năm, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Chủ trì hướng dẫn thực hiện và thẩm định Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí số 17 Môi trường và an toàn thực phẩm (Các chỉ tiêu 17.1, 17.4, 17.9), thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai; tiêu chí 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Tiêu chí 17: Môi trường (Các chỉ tiêu 17.7, 17.8, 17.11); Tiêu chí 18: Chất lượng môi trường sống (chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3, 18.6) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao; tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo lĩnh vực nổi trội về sản xuất; Tiêu chí 3: Thủy lợi và phòng chống thiên tai; Tiêu chí số 6: Kinh tế (Các chỉ tiêu 6.3, 6.4), Tiêu chí 7: Môi trường (Các chỉ tiêu 7.3, 7.6), tiêu chí 8: Chất lượng môi trường sống (Các chỉ tiêu 8.1, 8.2) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới.

Tham mưu thực hiện có hiệu quả Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm (OCOP); Chương trình cấp nước sạch nông thôn.

2. Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh

- Chủ trì, phối hợp các sở, ngành, có trách nhiệm tổng hợp, tham mưu

UBND, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình có hiệu quả; có nhiệm vụ kết nối, xuyên chuỗi các hoạt động về xây dựng nông thôn mới từ cấp tỉnh đến cơ sở; kịp thời phát hiện những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện để kiến nghị với tỉnh; kết nối hoạt động kiểm tra, hướng dẫn của các Sở, ban, ngành, thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh; chuẩn bị các nội dung Chương trình cho các cuộc họp, hội nghị, hội thảo của Ban Chỉ đạo tỉnh theo yêu cầu.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác tuyên truyền; trực tiếp thực hiện công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới. Phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng kế hoạch vốn, phân bổ và giám sát tình hình thực hiện vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động khác để xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc, nắm bắt tiến độ tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh để kịp thời tổng hợp, báo cáo và chủ động tham mưu, đề xuất xử lý, giải quyết những khó khăn, vướng mắc nhằm tháo gỡ khó khăn cho cơ sở trong quá trình thực hiện Chương trình.

- Chủ trì hướng dẫn chỉ tiêu 18.6 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới; hướng dẫn các huyện, thành phố rà soát hoàn thiện bộ hồ sơ thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn;

- Chủ trì tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Quy định cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác; cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

- Tổng hợp phương án phân bổ phần vốn đầu tư công (đầu tư phát triển) nguồn NSNN (NSTW, NSDP) thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hằng năm; trình phê duyệt mục tiêu, nhiệm vụ và phương án phân bổ, giao kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm, hằng năm.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tham mưu UBND tỉnh rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện Đề án và các danh mục dự án khuyến khích đầu tư về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức thực hiện giám sát, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư công và khoản 5 Điều 30 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ; tham mưu xây dựng, rà soát, điều chỉnh quy hoạch tỉnh, tạo điều kiện thực hiện Chương trình gắn với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường.

- Tổng hợp, báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện các chương trình

mục tiêu quốc gia giữa kỳ, giai đoạn, đột xuất hoặc kết thúc giai đoạn 5 năm, thực hiện nhập Hệ thống giám sát, đánh giá chương trình mục tiêu quốc gia theo thời hạn yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Sở Tài chính: chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách trung ương và cân đối, bố trí vốn đối ứng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương cho Chương trình, đảm bảo phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán các nguồn vốn kinh phí sự nghiệp ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: chủ trì hướng dẫn thực hiện và thẩm định Tiêu chí 11: Nghèo đa chiều, Tiêu chí số 12: Lao động, Chỉ tiêu 18.5: Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, phòng chống xâm hại trẻ em, bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có), bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới. Tiêu chí 11: Nghèo đa chiều, Tiêu chí số 12: Lao động thuộc Bộ tiêu chí quốc gia xã NTM nâng cao.

6. Văn phòng UBND tỉnh: chủ trì, hướng dẫn thực hiện và thẩm định Chỉ tiêu 15.3 (Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp) của tiêu chí 15 Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

7. Sở Xây dựng: chủ trì thẩm định Tiêu chí 01: Quy hoạch, Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư, Chỉ tiêu 17.5 của Tiêu chí 17 Môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; Tiêu chí 01: Quy hoạch, Tiêu chí 9: Nhà ở dân cư, (các chỉ tiêu 17.9, 17.10) của Tiêu chí 17 Môi trường thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; Tiêu chí 01: Quy hoạch thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

8. Sở Giao thông vận tải: chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn; giám sát, đánh giá kết quả công tác phát triển giao thông nông thôn gắn với thực hiện Chương trình xây dựng NTM. Chủ trì thẩm định tiêu chí 2: Giao thông thuộc các Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM.

9. Sở Công Thương: chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả công tác dịch vụ thương mại, điện nông thôn. Chủ trì thẩm định tiêu chí 4: Điện, Tiêu chí 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao; Tiêu chí 4: Điện, Tiêu chí 6 về kinh tế (các chỉ tiêu 6.1, 6.2) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả xây dựng cơ sở vật chất

trường học, công tác giáo dục và đào tạo. Chủ trì thẩm định: Tiêu chí 5: Trường học, Tiêu chí 14: Giáo dục và đào tạo thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; Tiêu chí 5: Giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; Tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo lĩnh vực nổi trội nhất về giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quy định xã NTM kiểu mẫu; Tiêu chí 5: Y tế - văn hóa - giáo dục (Các chỉ tiêu 5.3, 5.4) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả xây dựng cơ sở vật chất văn hóa; công tác văn hoá, thể thao và du lịch; phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá. Chủ trì thẩm định các Tiêu chí 6: Cơ sở vật chất văn hóa, Tiêu chí 16: Văn hoá, thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, Tiêu chí 6: Văn hóa, thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; Tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo lĩnh vực nổi trội nhất về văn hóa và về du lịch theo quy định về xã NTM kiểu mẫu; Tiêu chí 5: Y tế - văn hóa – giáo dục (chỉ tiêu 5.2) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố, hướng dẫn thực hiện đầy mạnh phát triển Chương trình du lịch nông thôn.

12. Sở Thông tin và Truyền thông: chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả về công tác thông tin và truyền thông, chuyển đổi số trong Chương trình xây dựng NTM. Chủ trì thẩm định các tiêu chí: Tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông, thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; Tiêu chí 8: Thông tin và truyền thông, Tiêu chí 15: Hành chính công (các chỉ tiêu 15.1, 15.2) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Tiêu chí 3: Mô hình thôn thông minh, tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo lĩnh vực nổi trội nhất về chuyển đổi số theo quy định về xã nông thôn mới kiểu mẫu. Tiêu chí 9: Hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công (chỉ tiêu 9.5) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới.

Tham mưu, hướng dẫn, chỉ đạo, đẩy mạnh thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới.

13. Sở Y tế: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, hướng dẫn tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả công tác y tế, cơ sở vật chất ngành y tế; bảo hiểm y tế; an toàn thực phẩm. Chủ trì thẩm định các tiêu chí: Tiêu chí 15: Y tế, Chỉ tiêu 17.10 thuộc Tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM. Tiêu chí 14: Y tế, Tiêu chí 18: Chất lượng môi trường sống (các chỉ tiêu 18.4, 18.5) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Tiêu chí 5: Y tế - văn hóa- giáo dục (chỉ tiêu 5.1), Tiêu chí 8: Chất lượng môi trường sống (Chỉ tiêu 8.5) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Thực hiện chỉ đạo giám sát công tác an toàn vệ sinh thực phẩm trong xây dựng nông thôn mới.

14. Sở Tài nguyên và Môi trường: chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện, đánh giá kết quả về công tác môi trường nông thôn. Chủ trì thẩm định các tiêu chí: Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm (các chỉ tiêu 17.2, 17.3, 17.6, 17.7, 17.8, 17.11, 17.12) thuộc Bộ tiêu chí

quốc gia về xã NTM. Tiêu chí 17: Môi trường (các chỉ tiêu 17.1, 17.2, 17.3, 17.4, 17.5, 17.6, 17.12), Tiêu chí 18 về chất lượng môi trường sống (các chỉ tiêu 18.7, 18.8) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao. Tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo lĩnh vực nổi trội nhất về cảnh quan môi trường trong quy định về xã nông thôn mới kiểu mẫu. Tiêu chí 7: Môi trường (các chỉ tiêu 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.7, 7.8), Tiêu chí 8: Chất lượng môi trường sống (các chỉ tiêu 8.3 và 8.4) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Hướng dẫn đẩy mạnh việc thực hiện bảo vệ môi trường nông thôn.

15. Công an tỉnh: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả về công tác an ninh, trật tự xã hội. Chủ trì thẩm định tiêu chí 19: Quốc phòng và an ninh (chỉ tiêu 19.2) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao. Tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo lĩnh vực nổi trội nhất về an ninh trật tự theo quy định về xã NTM kiểu mẫu. Tiêu chí 9: Hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công (chỉ tiêu 9.4) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM. Hướng dẫn chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự.

16. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện, đánh giá về lực lượng dân quân địa phương và các chỉ tiêu quốc phòng. Thẩm định tiêu chí 19 Quốc phòng và an ninh (chỉ tiêu 19.1) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao.

17. Cục Thống kê tỉnh: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí thu nhập. Chủ trì thẩm định: Tiêu chí: 10 thu nhập thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, xã NTM nâng cao. Tiêu chí số 2 về thu nhập theo quy định về xã nông thôn mới kiểu mẫu.

18. Sở Nội vụ: chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện, thẩm định các tiêu chí: Tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (các chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; Tiêu chí số 9 về hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công (các chỉ tiêu 9.1, 9.2, 9.3) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

19. Sở Tư pháp: chủ trì, phối hợp cùng các sở, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện, thẩm định các tiêu chí: Tiêu chí 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (chỉ tiêu 18.4) thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; Tiêu chí số 16 về tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao; chỉ tiêu 9.6 của Tiêu chí số 9 về hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM.

20. Sở Khoa học và Công nghệ: thực hiện có hiệu quả việc nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ trong các lĩnh vực sản xuất, môi trường, sáng tạo khởi nghiệp... trong xây dựng nông thôn mới.

21. Các Sở, ban, ngành cơ quan khác

- Thực hiện các nhiệm vụ của Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo; có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị gắn với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Ưu tiên lồng ghép các Chương trình, dự án thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao để thực hiện Chương trình; tổ chức kiểm tra, giám sát, phối hợp xử lý các nội dung phản ánh, kiến nghị của công dân liên quan đến chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm thường xuyên cập nhật, thông tin đầy đủ về hoạt động xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia thực hiện phong trào thi đua “Lạng Sơn cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” gắn với việc thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Tổ chức lấy ý kiến của người dân về sự hài lòng về kết quả xây dựng nông thôn mới; thực hiện công tác giám sát, phản biện trong công tác xây dựng nông thôn mới.

22. Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố

- Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, rà soát, điều phối kế hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; tập trung ưu tiên các nguồn lực để thực hiện Chương trình một cách đồng bộ và hiệu quả. Quan tâm ưu tiên nguồn lực để đầu tư, hỗ trợ thực hiện bổ sung, hoàn thiện, nâng cao các chỉ tiêu, tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Chủ động cân đối bố trí nguồn vốn đối ứng từ ngân sách huyện, nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác và các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện Chương trình. Chỉ đạo và phân công phòng, ban chuyên môn phụ trách tiêu chí, phối hợp với các xã rà soát đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí theo bộ tiêu chí các cấp (xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu) giai đoạn 2021 - 2025. Xây dựng kế hoạch cụ thể, lộ trình phấn đấu hoàn thiện các tiêu chí theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đôn đốc định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn để chủ động xử lý, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; thực hiện chế độ giao ban định kỳ giữa Ban chỉ đạo các chương trình MTQG cấp huyện với các xã về công tác xây dựng nông thôn mới; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

- Riêng đối với UBND huyện Đình Lập xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ đến năm 2025; xác định các nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực, lộ trình thực hiện cụ thể và phân công các đơn vị, cá nhân phụ trách, đảm nhiệm từng nhiệm vụ; nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, huy động sự vào cuộc của cấp uỷ, chính quyền và người dân, tạo sự đồng lòng trong phong trào xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

23. Ủy ban nhân dân các xã

- Chủ động xác định các nội dung, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể thực hiện từng chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tiến độ theo yêu cầu kế hoạch.

Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã và Ban Phát triển các thôn để chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình. Phát huy tốt vai trò của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền vận động người dân thực hiện Chương trình nhất là các tiêu chí liên quan trực tiếp đến người dân và cộng đồng dân cư thực hiện.

Đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016-2020: thực hiện rà soát, xây dựng Kế hoạch lộ trình cụ thể hoàn thiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Trên cơ sở nội dung Kế hoạch, các Sở, ban, ngành, các cơ quan liên quan, UBND các huyện, thành phố, các xã chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 theo chức năng, nhiệm vụ được phân công./.

Nơi nhận:

- BCĐ TW CTMTQG XDNTM;
- VPĐP TW CTMTQG XDNTM;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBMTTQ và các đoàn thể CT-XH;
- HU, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng ĐP CTXDNTM tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, các phòng CM, TH-CB;
- Lưu: VT, KT (PVD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

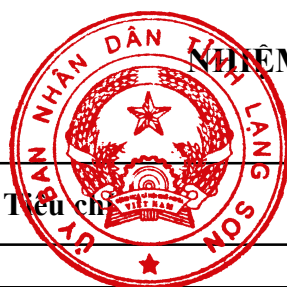
Lương Trọng Quỳnh

Biểu 1


NHIỆM VỤ PHÂN ĐẦU MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN TỪNG TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI ĐẾN HẾT 2025
Kèm theo Kế hoạch số: 160/KH-UBND ngày 3 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT		Thành phố	Tràng Định	Văn Lãng	Bình Gia	Bắc Sơn	Văn Quan	Cao Lộc	Lộc Bình	Đình Lập	Chi Lăng	Hữu Lũng	Tổng cộng	Tỉ lệ (%)
1	Quy hoạch	3	21	16	18	17	16	20	19	10	18	23	181	100.0%
2	Giao thông	3	12	12	11	14	13	14	12	11	13	13	128	70.7%
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3	21	16	18	17	16	20	19	10	18	23	181	100.0%
4	Điện	3	16	14	13	15	13	17	15	10	18	21	155	85.6%
5	Trường học	3	11	10	10	12	12	12	11	10	12	13	116	64.1%
6	Cơ sở vật chất văn hoá	3	12	11	11	13	13	13	12	11	13	4	116	64.1%
7	Cơ sở hạ tầng TM nông thôn	3	17	13	14	14	13	16	16	10	15	19	150	82.9%
8	Thông tin và truyền thông	3	12	12	12	14	12	12	12	11	14	16	130	71.8%
9	Nhà ở dân cư	3	15	11	13	13	11	15	17	10	17	20	145	80.1%
10	Thu nhập	3	11	11	11	15	11	13	12	11	15	14	127	70.2%
11	Nghèo đa chiều	3	11	11	11	14	10	12	12	10	14	14	122	67.4%
12	Lao động	3	21	16	18	17	16	20	19	10	18	23	181	100.0%
13	Tổ chức SX và PTKT nông thôn	3	12	11	12	13	11	13	12	11	14	14	126	69.6%
14	Giáo dục và Đào tạo	3	21	16	18	17	16	20	19	10	18	23	181	100.0%
15	Y tế	3	13	12	12	13	12	13	14	10	14	15	131	72.4%
16	Văn hoá	3	19	15	15	17	14	18	17	10	16	19	163	90.1%
17	Môi trường và AT thực phẩm	3	12	11	12	13	11	13	12	11	14	14	126	69.6%
18	HT chính trị và tiếp cận Pháp luật	3	13	12	12	12	12	12	12	10	13	14	125	69.1%
19	Quốc phòng và an ninh	3	21	16	18	17	16	20	19	10	18	23	181	100.0%
	Cộng toàn tỉnh	57	291	246	259	277	248	293	281	196	292	325	2,765	
	Tỷ lệ đạt bình quân tiêu chí/xã	19.00	13.86	15.38	14.39	16.29	15.50	14.65	14.79	19.60	16.22	14.13	15.28	

Biểu 2



MIỆM VỤ PHÂN ĐẦU MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN TỪNG TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN HẾT 2025

(Kèm theo Kế hoạch số: 160 /KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tiêu chí	Thành phố	Tràng Định	Văn Lãng	Bình Gia	Bắc Sơn	Văn Quan	Cao Lộc	Lộc Bình	Đình Lập	Chi Lăng	Hữu Lũng	Tổng cộng	Tỉ lệ (%)
1	Quy hoạch	3	11	11	10	13	11	11	11	10	12	12	115	100.0%
2	Giao thông	3	4	4	3	4	3	4	4	4	5	4	42	36.5%
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3	4	4	3	5	4	4	4	5	5	4	45	39.1%
4	Điện	3	6	6	5	8	6	7	6	10	9	9	75	65.2%
5	Giáo dục	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	34	29.6%
6	Văn hoá	3	3	3	2	3	2	3	3	3	4	3	32	27.8%
7	Cơ sở hạ tầng TM nông thôn	3	4	4	4	5	5	5	4	5	6	5	50	43.5%
8	Thông tin và truyền thông	3	4	4	4	5	5	5	4	5	6	5	50	43.5%
9	Nhà ở dân cư	3	5	4	4	4	5	5	4	5	6	5	50	43.5%
10	Thu nhập	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	35	30.4%
11	Nghèo đa chiều	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	35	30.4%
12	Lao động	3	9	8	8	9	7	8	8	10	10	10	90	78.3%
13	Tổ chức SX và PTKT nông thôn	3	3	3	2	3	3	3	3	4	4	4	35	30.4%
14	Y Tế	3	4	4	4	4	4	4	4	5	5	4	45	39.1%
15	Hành chính công	3	5	4	4	4	5	5	4	5	6	5	50	43.5%
16	Tiếp cận pháp luật	3	5	5	4	5	5	5	5	6	6	6	55	47.8%
17	Môi trường	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	35	30.4%
18	Chất lượng môi trường sống	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4	4	35	30.4%
19	Quốc phòng và an ninh	3	11	11	10	13	11	11	11	10	12	12	115	100.0%
	Cộng toàn tỉnh	57	93	90	82	100	91	95	90	102	115	108	1,023	
	Tỷ lệ đạt bình quân tiêu chí/xã	19.00	4.43	5.63	4.56	5.88	5.69	4.75	4.74	10.20	6.39	4.70	8.90	

Biểu 3:



DANH SÁCH XÃ PHẦN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
 Kèm theo Kế hoạch số: 160 /KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

	Tên huyện, xã	Năm phần đầu đạt chuẩn	Ghi chú
I	Huyện Chi Lăng		
1	Xã Quan Sơn	2021	Khu vực II
2	Thượng Cường	2022	Khu vực II
3	Nhân Lý	2023	Khu vực I
4	Vân Thủy	2024	Khu vực III
5	Chiến Thắng	2025	Khu vực III
II	Huyện Tràng Định		
6	Quốc Khánh	2021	Khu vực I
7	Quốc Việt	2022	Khu vực I
8	Kháng Chiến	2023	Khu vực II
9	Tân Minh	2024	Khu vực III
10	Vĩnh Tiến	2025	Khu vực III
III	Huyện Văn Lãng		
11	Tân Mỹ	2021	Khu vực I
12	Trùng Khánh	2022	Khu vực I
13	Thanh Long	2023	Khu vực I
14	Hồng Thái	2024	Khu vực III
15	Tân Tác	2025	Khu vực III
IV	Huyện Cao Lộc		
13	Hợp Thành	2021	Khu vực I
17	Thụy Hùng	2022	Khu vực I
18	Bảo Lâm	2023	Khu vực I
19	Cao Lâu	2024	Khu vực II
20	Hòa Cư	2025	Khu vực III
V	Huyện Hữu Lũng		
21	Yên Thịnh	2021	Khu vực I
22	Hồ Sơn	2022	Khu vực I
23	Đồng Tiến	2023	Khu vực II
27	Minh Tiến	2024	Khu vực I
25	Quyết Thắng	2024	Khu vực III
26	Yên Vượng	2025	Khu vực I
VI	Huyện Đình Lập		
27	Thái Bình	2021	Khu vực I
28	Châu Sơn	2022	Khu vực III
29	Lâm Ca	2023	Khu vực III
30	Đồng Thắng	2024	Khu vực III
VII	Huyện Lộc Bình		
31	Khánh Xuân	2021	Khu vực I
32	Tam Gia	2022	Khu vực III
33	Tĩnh Bắc	2023	Khu vực III
34	Thông Nhất	2024	Khu vực III

STT	Tên huyện, xã	Năm phấn đấu đạt chuẩn	Ghi chú
35	Xuân Dương	2025	Khu vực III
VIII	Huyện Bình Gia		
36	Thiện Long	2021	Khu vực I
37	Thiện Hòa	2022	Khu vực III
38	Hồng Phong	2023	Khu vực III
39	Hoa Thám	2024	Khu vực III
40	Thiện Thuật	2025	Khu vực III
IX	Huyện Bắc Sơn		
41	Vũ Lễ	2021	Khu vực I
42	Vũ Lăng	2022	Khu vực I
43	Long Đồng	2023	Khu vực II
44	Tân Thành	2024	Khu vực III
45	Nhất Hòa	2025	Khu vực III
X	Huyện Văn Quan		
46	Điềm He	2021	Khu vực I
47	Bình Phúc	2022	Khu vực III
48	Liên Hội	2023	Khu vực III
49	Trần Ninh	2024	Khu vực III
50	Khanh Khê	2025	Khu vực III

Biểu 4:

**DANH SÁCH XÃ PHẦN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(em theo kế hoạch số: 160 /KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)



	Huyện, TP	Xã	Dự kiến năm phần đầu đạt chuẩn	Ghi chú
1	TP Lạng Sơn	Quảng Lạc	2022	
2	Tràng Định	Chi Lăng	2022	
3		Tri Phương	2024	
4	Văn Lãng	Hoàng Văn Thụ	2021	
5		Hoàng Việt	2024	
6		Tân Mỹ	2025	
7	Bình Gia	Tân Văn	2023	
8	Bắc Sơn	Đồng Ý	2021	
9		Bắc Quỳnh	2022	
10		Vũ Sơn	2024	
11	Văn Quan	Điêm He	2023	
12		Yên Phúc	2025	
13	Cao Lộc	Gia Cát	2022	
14		Yên Trạch	2024	
15	Lộc Bình	Hữu Khánh	2021	
16		Khánh Xuân	2023	
17		Yên Khoái	2024	
18	Đình Lập	Đình Lập	2021	
19		Bắc Lãng	2022	
20		Thái Bình	2024	
21	Chi Lăng	Bằng Mạc	2021	
22		Mai Sao	2023	
23		Y Tịch	2025	
24	Hữu Lũng	Sơn Hà	2022	
25		Cai Kinh	2024	

Biểu 5:**DANH SÁCH XÃ PHẦN ĐẦU ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025***Kèm theo Kế hoạch số: 160 /KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)*

TT	Huyện, TP	Xã	Năm phần đầu đạt chuẩn	Ghi chú
1	TP Lạng Sơn	Hoàng Đồng	2023	
2	Tràng Định	Tri Phương	2025	
3	Văn Lãng	Hoàng Văn Thụ	2025	
4	Bình Gia	Tân Văn	2025	
5	Bắc Sơn	Đồng Ý	2023	
6		Bắc Quỳnh	2024	
7	Văn Quan	Điềm He	2025	
8	Cao Lộc	Hải Yên	2025	
9	Lộc Bình	Khánh Xuân	2024	
10	Đình Lập	Cường Lợi	2024	
11	Chi Lăng	Chi Lăng	2022	
12	Hữu Lũng	Cai Kinh	2025	

Biểu 6:

**KHỐI LƯỢNG NHU CẦU ĐẦU TƯ CÁC HẠNG MỤC THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**



(Kèm theo Kế hoạch số: 160 /KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Hạng mục	Đơn vị	Tổng khối lượng	Phân theo năm				
				2021	2022	2023	2024	2025
I.	Đầu tư cơ sở hạ tầng							
1	Giao thông	Km	1,750	350	350	350	350	350
2	Thủy lợi	Công trình	215	43	45	42	42	43
3	Điện nông thôn	Công trình	47	5	10	12	10	10
4	Trường học	Trường	228		26	77	59	66
5	Cơ sở vật chất văn hóa							
a	Sân thể thao xã	Sân	35	6	6	7	8	8
b	CSVC văn hóa xã (Nhà văn hóa xã)	Nhà	47	7	10	10	10	10
c	CSVC văn hóa thôn	Nhà	699	169	140	130	130	130
6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Công trình	13	1	3	2	5	2
7	Hệ thống CSVC thông tin và truyền thông							
a	Đài truyền thanh xã	Đài	17	7	5	5		
b	Nâng cấp, sửa chữa, chuyển đổi từ đài truyền thanh FM sang đài IP (khu vực I và II)	Đài	80		10	25	25	20
c	Lắp đặt các điểm phát Wifi miễn phí xã nâng cao	Điểm	111	21	15	15	30	30
d	Duy trì, xử lý sự cố hệ thống trên trang thông tin điện tử cấp xã	Trang/xã	37	7	5	5	10	10
8	Trạm y tế xã	Trạm	50		13	13	12	12
9	Công trình cung cấp nước sinh hoạt	Công trình	30			10	10	10
II.	Các chương trình, đề án của TƯ							
1	Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	Sản phẩm	> 50					
2	Chương trình KHCN phục vụ XD NTM	Đề tài/dự án	9					
3	Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	Điểm du lịch	17	1	3	4	6	3

STT	Hạng mục	Đơn vị	Tổng khối lượng	Phân theo năm				
				2021	2022	2023	2024	2025
4	Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng, tới nông thôn mới thông minh.	Mô hình	2					
5	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.							
a	Quản lý vận hành công trình cấp nước nông thôn	lớp	3			1	1	1
b	Xét nghiệm, đánh giá chất lượng nước	mẫu	2,100			700	700	700
6	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới.	Mô hình	81	10	17	17	18	19
III.	Các nội dung thực hiện khác							
1	Công tác quy hoạch	Xã	159	41	39	25	26	28
2	Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu	Khu	339	39	60	70	80	90
3	Xây dựng xã nâng cao, kiểu mẫu	Xã	37	5	6	8	9	9
4	Hỗ trợ PTSX và các HTTCSX	Mô hình	256	16	60	60	60	60
5	Đào tạo nghề cho LĐ nông thôn	Người	28,397	700	6,737	6,872	7,009	7,079
6	Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền							
a	Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác XDNTM	Lớp	120		30	30	30	30
b	Tuyên truyền về nông thôn mới	Sản phẩm TT	12,665	665	3,000	3,000	3,000	3,000
c	Lĩnh vực ngành Tư pháp	Hội nghị	42	6	7	9	10	10
d	Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã	Chi tiêu	11,230		2,910	2,960	2,760	2,600
7	Duy tu, bảo dưỡng, vận hành công trình	Km	15,309	2,892	2,977	3,062	3,147	3,232

Biểu 7:

**NHU CẦU ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CHO CÁC NỘI DUNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MTQG
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**



(Kế hoạch theo Kế hoạch số: 160 /KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Nhu cầu đầu tư theo năm				
			2021	2022	2023	2024	2025
	Tổng	5,591,626	494,185	1,072,378	1,352,342	1,344,513	1,328,208
I.	Đầu tư cơ sở hạ tầng	2,981,864	391,470	472,868	732,154	678,950	706,422
1	Giao thông	925,400	185,080	185,080	185,080	185,080	185,080
2	Thủy lợi	318,600	97,900	56,700	59,900	50,000	54,100
3	Điện nông thôn	232,710	35,470	52,790	67,600	42,500	34,350
4	Trường học	945,470		71,060	290,610	273,980	309,820
5	CSVC văn hóa	349,342	67,006	69,114	70,896	70,766	71,560
a	CSVC văn hóa (Nhà văn hóa xã)	120,224	21,883	23,888	24,898	24,668	24,887
b	CSVC văn hóa (Nhà văn hóa thôn)	229,118	45,123	45,226	45,998	46,098	46,673
6	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	23,800	2,200	5,400	4,400	7,400	4,400
7	Hệ thống CSVC thông tin và truyền thông	41,541.6	3,814	6,724	12,668	10,224	8,112
a	Đài truyền thanh xã	8,500	3,500	2,500	2,500		
b	Nâng cấp, sửa chữa, chuyển đổi từ đài truyền thanh FM sang đài IP (khu vực I và II)	32,000		4,000	10,000	10,000	8,000
c	Lắp đặt các điểm phát Wifi miễn phí xã nâng cao	837.0	252	180	135	180	90
d	Duy trì, xử lý sự cố hệ thống trên trang thông tin điện tử cấp xã	204.6	62	44	33	44	22
8	Trạm y tế xã	100,000		26,000	26,000	24,000	24,000
9	Công trình cung cấp nước sinh hoạt	45,000			15,000	15,000	15,000
II.	Các chương trình trọng tâm	199,665	25,980	35,860	47,905	48,455	41,465
1	Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)	115,350	24,430	25,430	25,430	21,030	19,030
2	Chương trình KHCN phục vụ XD NTM	15,640	0	4,330	4,500	3,900	2,910
3	Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới	44,300	1,250	5,250	8,000	12,450	17,350

STT	Hạng mục	Tổng nhu cầu vốn đầu tư	Nhu cầu đầu tư theo năm				
			2021	2022	2023	2024	2025
4	Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng, tới nông thôn mới thông minh.	17,000			8,000	9,000	
5	Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.	2,625	-	-	875	875	875
<i>a</i>	<i>Quản lý vận hành công trình cấp nước nông thôn</i>	<i>105</i>			<i>35</i>	<i>35</i>	<i>35</i>
<i>b</i>	<i>Xét nghiệm, đánh giá chất lượng nước</i>	<i>2,520</i>			<i>840</i>	<i>840</i>	<i>840</i>
6	Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả trong thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới.	4,750	300	850	1100	1200	1300
III.	Các nội dung thực hiện khác	2,410,097	76,735	563,650	572,283	617,108	580,321
1	Công tác quy hoạch	47,700	12,300	11,700	7,500	7,800	8,400
2	Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu	19,520	4,520	3,000	3,500	4,000	4,500
3	Xây dựng xã nâng cao, kiểu mẫu	163,050	3,050	30,000	40,000	45,000	45,000
4	Xây dựng huyện Đình Lập đạt chuẩn NTM	1,557,850	-	380,000	380,000	417,850	380,000
5	Hỗ trợ PTSX và các HTTCSX	206,900	6,900	50,000	50,000	50,000	50,000
6	Đào tạo nghề cho LĐ nông thôn	117,950	1,550	28,500	28,900	29,500	29,500
7	Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền	47,307	1,577	10,342	11,850	12,000	11,538
<i>a</i>	<i>Nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác XDNTM</i>	<i>18,000</i>	<i>0</i>	<i>4,500</i>	<i>4,500</i>	<i>4,500</i>	<i>4,500</i>
<i>b</i>	<i>Tuyên truyền về nông thôn mới</i>	<i>21,277</i>	<i>1,277</i>	<i>5,000</i>	<i>5,000</i>	<i>5,000</i>	<i>5,000</i>
<i>c</i>	<i>Lĩnh vực ngành Tư pháp</i>	<i>2,100</i>	<i>300</i>	<i>350</i>	<i>450</i>	<i>500</i>	<i>500</i>
<i>d</i>	<i>Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã</i>	<i>5,930</i>		<i>492</i>	<i>1,900</i>	<i>2,000</i>	<i>1,538</i>
8	Duy tu, bảo dưỡng, vận hành công trình	237,640	46,658	47,108	47,533	47,958	48,383
9	Quản lý, giám sát thực hiện Chương trình	12,180	180	3,000	3,000	3,000	3,000